

## THU MỤC

### TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 261 THÁNG 3 NĂM 2019

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 261 tháng 3 năm 2019.

**1. Các nhân tố ảnh hưởng tới tài chính bao trùm: Bằng chứng mới từ phân tích dữ liệu bảng/** Chu Khánh Lâm, Nguyễn Minh Phương, Trương Hoàng Diệp Hương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 2 – 11

**Tóm tắt:** Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng tới tài chính bao trùm. Chúng tôi sử dụng dữ liệu từ Tài chính bao trùm toàn cầu do Ngân hàng thế giới thực hiện để xây dựng chỉ số tài chính bao trùm và ba cấu phần. Kết quả từ mô hình hồi quy tác động ngẫu nhiên cho dữ liệu 82 quốc gia chỉ ra các điều kiện kinh tế xã hội ổn định như thu nhập, phát triển tài chính, chất lượng thể chế. Bên cạnh các yếu tố về kinh tế, chính phủ cần kiểm soát tốc độ gia tăng dân số và tăng cường phát triển con người. Ngoài ra, tồn tại sự khác biệt giữa các nhóm quốc gia trong các nhân tố ảnh hưởng tới tài chính bao trùm như lạm phát, phát triển tài chính và đặc điểm của hệ thống ngân hàng. Ở mức độ phát triển tài chính thấp hoặc trung bình, các quốc gia đang phát triển sẽ nhận được nhiều lợi ích của việc mở rộng quy mô thị trường tài chính đối với tài chính bao trùm.

**Từ khóa:** Tài chính bao trùm; Phân tích thành phần chính hai giai đoạn

**2. Mối quan hệ giữa lợi thế thương mại và giá trị thị trường của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Đoàn Thị Hồng Nhung// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 12 – 19

**Tóm tắt:** Lợi thế thương mại là một chủ đề gây tranh cãi trong giới nghiên cứu và kế toán. Các chuyên gia kế toán cho rằng lợi thế thương mại là tài sản vô hình mà các doanh nghiệp không thể đo lường và ghi nhận nó một cách riêng rẽ. Để kiểm tra xem lợi thế thương mại có phải là tài sản được các nhà đầu tư định giá khi mua doanh nghiệp, nhiều nhà nghiên cứu đã kiểm tra thực chứng mối quan hệ giữa lợi thế thương mại và giá trị thị trường của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu chỉ được thực hiện tại các nước có nền kinh tế phát triển như Anh và Mỹ. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm chứng mối quan hệ trên trong bối cảnh mới là Việt Nam, một nền kinh tế đang phát triển. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ dương giữa lợi thế thương mại và giá trị thị trường của doanh nghiệp. Như vậy, điều này chứng tỏ nhà đầu tư coi lợi thế thương mại là một tài sản khi định giá doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Giá trị thị trường; Lợi thế thương mại; Tài sản cố định vô hình

**3. Các nhân tố tác động đến tiếp cận dịch vụ tài chính qua ngân hàng số: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam/** Bùi Kiên Trung, Phạm Bích Liên, Khúc Thế Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 20 – 29

**Tóm tắt:** Trên cơ sở phát triển mô hình lý thuyết hành vi chấp nhận công nghệ (TAM), nhóm tác giả tiến hành đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận dịch vụ tài chính thông qua ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng số với nghiên cứu điển hình tại Việt Nam. Với việc sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng, số liệu thu thập từ cá nhân đã sử dụng dịch vụ ngân hàng số trên địa bàn Việt Nam, kết quả cho thấy có 3 biến chính tác động trực tiếp đến ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng số là ảnh hưởng xã hội, bảo mật và tính hữu ích. Đồng thời, có 2 biến tác động gián tiếp là tính thích ứng và dễ sử dụng. Dựa vào kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách cụ thể.

**Từ khóa:** TAM; Tiếp cận dịch vụ tài chính; Ngân hàng số; Fintech

**4. Các yếu tố quyết định đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên trong các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam/** Nhâm Phong Tuấn,...// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 30 – 39

**Tóm tắt:** Việc thúc đẩy hành vi chia sẻ tri thức của các nhân viên trong doanh nghiệp là cần thiết trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động. Kế thừa mô hình của Burgess (2005), nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của động lực cấp cá nhân, cấp giữa các cá nhân và cấp quan hệ tới thái độ chia sẻ tri thức, và ảnh hưởng của thái độ chia sẻ tri thức tới ý định chia sẻ tri thức. Dữ liệu được thu thập từ 391 bản trả lời của nhân viên đang làm việc trong 4 công ty viễn thông lớn nhất tại Việt Nam. Thông qua phân tích hồi quy, kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức về đãi ngộ, sự ảnh hưởng và lợi ích xã hội có tác động tích cực tới thái độ chia sẻ tri thức. Trong khi đó, nhận thức về rủi ro có ảnh hưởng tiêu cực tới thái độ chia sẻ tri thức, thái độ chia sẻ tri thức có ảnh hưởng tích cực tới ý định chia sẻ tri thức. Nghiên cứu cũng đưa ra một số gợi ý hữu ích cho các bên liên quan.

**Từ khóa:** Chia sẻ tri thức; Động lực; Công ty viễn thông Việt Nam

**5. Động cơ và kết quả của hành vi mua sắm trên mạng xã hội trực tuyến tại Việt Nam/** Nguyễn Hữu Khôi, Hồ Huy Tựu, Lê Nhật Hạnh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 40 – 49

**Tóm tắt:** Mua sắm trên mạng xã hội trực tuyến là một khuynh hướng mua sắm mới, mang đến một môi trường kinh doanh đáng quan tâm để khám phá các vấn đề tâm lý người tiêu dùng như động cơ, hành vi và kết quả. Nghiên cứu này nhằm xem xét một cách hệ thống các loại động cơ (tiện ích, tiêu khiển và xã hội) và các hình thái của sự hài lòng (về mặt nhận thức và tình cảm) cũng như mối quan hệ động cơ – hành vi – hài lòng trong bối cảnh mua sắm xã hội trực tuyến. Kết quả chính của nghiên cứu cho thấy, động

cơ xã hội có tác động lớn nhất tới hành vi mua sắm xã hội trực tuyến, sau đó là động cơ tiện ích, và cuối cùng là động cơ tiêu khiển. Hành vi mua sắm xã hội trực tuyến dẫn tới cả sự hài lòng về mặt nhận thức và tình cảm, trong đó kết quả hài lòng về mặt nhận thức cao hơn. Vì vậy, nghiên cứu này đóng góp vào kiến thức chung bằng việc mở rộng hiểu biết trước đây về mối quan hệ động cơ – hành vi – hài lòng của người tiêu dùng trong bối cảnh mua sắm xã hội trực tuyến. Đồng thời, nghiên cứu cung cấp một số hàm ý cho nhà quản trị để phát triển chiến lược marketing hiệu quả.

**Từ khóa:** Mua sắm xã hội trực tuyến; Động cơ tiện ích; Tiêu khiển và xã hội; Hành vi; Hài lòng nhận thức và tình cảm

**6. Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức đến ý định ở lại và vai trò trung gian của sự hài lòng/ Trần Thị Ái Cẩm// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 50 – 60**

**Tóm tắt:** Bài báo này nghiên cứu tác động của văn hóa tổ chức đến ý định ở lại của nhân viên và vai trò trung gian của sự hài lòng. Phương pháp nghiên cứu định lượng với 600 mẫu những người đang làm việc cho 25 công ty Công nghệ thông tin ở Việt Nam. Bảng câu hỏi khảo sát được thực hiện giữa tháng 5 đến tháng 7 năm 2017. Kết quả chỉ ra rằng sự hài lòng trong công việc đóng vai trò trung gian giữa các mối quan hệ văn hóa tập thể, văn hóa phân cấp và văn hóa thị trường đến ý định ở lại của nhân viên. Ngược lại, mối quan hệ giữa văn hóa sáng tạo với ý định ở lại không có ý nghĩa thống kê. Dựa vào kết quả nghiên cứu này, bài báo có đóng góp về mặt lý thuyết và thực tiễn cho các nhà quản trị và những nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khóa:** Ý định ở lại; Văn hóa tổ chức; Sự hài lòng trong công việc

**7. Phân tích và bản đồ hóa các chỉ số đánh giá mức độ dễ bị tổn thương với biến đổi khí hậu: Trường hợp nghiên cứu ở Huyện Minh Hóa, Tỉnh Quảng Bình/ Nguyễn Đức Kiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 61 – 71**

**Tóm tắt:** Biến đổi khí hậu có xu hướng ngày càng nghiêm trọng trong những năm gần đây ở huyện Minh Hóa. Nghiên cứu này xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá mức độ dễ bị tổn thương với biến đổi khí hậu dựa vào khung lý thuyết của IPCC nhằm chỉ ra các khu vực có thể chịu tác động mạnh để xác định mức độ ưu tiên khi can thiệp. Kết quả chỉ ra rằng mức độ phơi nhiễm có xu hướng tăng lên; Đa số các xã thể hiện xu hướng giảm về mức độ nhạy cảm; Khả năng thích ứng của các xã có xu hướng được cải thiện nhưng không nhiều. Tính dễ bị tổn thương có xu hướng giảm theo thời gian nhưng vẫn còn ở mức cao. Điều này kết hợp với tỷ lệ hộ nghèo cao và điều kiện hạ tầng khó khăn làm cho nguy cơ bị tác động càng trở nên lớn hơn. Đặc biệt, các xã Tân Hóa, Thượng Hóa, Hóa Sơn là những khu vực cần ưu tiên hỗ trợ người dân địa phương tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu; Dễ bị tổn thương; Phương pháp chỉ số; IPCC; Huyện Minh Hóa

**8. Hiệu quả sử dụng đầu vào trong nuôi trồng thủy sản: Trường hợp nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại Tỉnh Phú Yên/ Lê Kim Long, Lê Văn Thập// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 72 – 80**

**Tóm tắt:** Bài báo này trình bày tóm lược nền tảng lý thuyết kinh tế về hiệu quả sử dụng các đầu vào trong sản xuất theo khái niệm hiệu quả Pareto-Koopmans và áp dụng mô hình phân tích bao dữ liệu (DEA) hai giai đoạn để ước lượng các chỉ số này cho các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Phú Yên trong năm sản xuất 2014. Kết quả cho thấy hiệu quả sử dụng các đầu vào là: thức ăn (89%), lao động (82%), con giống (81%), năng lượng (77%) và thuốc, kháng sinh và hóa chất (69%). Đây là bằng chứng thực nghiệm cho thấy việc sử dụng thuốc, hóa chất và kháng sinh là đáng báo động trong nghề nuôi tôm thẻ thâm canh. Để nghề nuôi tôm ở Phú Yên phát triển bền vững cần: (i) tăng cường khuyến cáo và hướng dẫn kỹ thuật nuôi sử dụng thuốc, hóa chất và kháng sinh đúng cách; (ii) xây dựng hệ thống xả và xử lý thải tập trung. Bên cạnh đó, Phú Yên nên khuyến cáo các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng nên nuôi với mật độ thấp. Các chính sách để phát triển nghề nuôi tôm thâm canh theo hướng doanh nghiệp hóa cần được khuyến khích.

**Từ khóa:** Hiệu quả sử dụng đầu vào; Nuôi tôm thẻ thâm canh; Nuôi trồng thủy sản bền vững; DEA hai giai đoạn

**9. Nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường: Trường hợp nghiên cứu tại các công ty khai khoáng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Nguyễn La Soa, Nguyễn Thị Kim Hương, Trần Thị Thu Huyền// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 81 – 90**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin kế toán môi trường. Dữ liệu được thu thập từ 57 công ty khai khoáng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ 2013 đến 2017. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng nhằm khám phá các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến công bố thông tin kế toán môi trường. Kết quả cho thấy mức độ công bố thông tin kế toán môi trường chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: Khả năng sinh lời, đòn bẩy tài chính, qui mô doanh nghiệp, số năm niêm yết và kiểm toán độc lập. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán môi trường cho các công ty khai khoáng Việt Nam, tăng khả năng cạnh tranh cho công ty trong điều kiện hội nhập toàn cầu.

**Từ khóa:** Kế toán môi trường; Thông tin; Công bố thông tin; Công ty khai khoáng

**10. Việc làm phi nông nghiệp và tăng trưởng thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam/ Vũ Văn Hùng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 261 tháng 3/2019 .- Tr. 91 – 98**

**Tóm tắt:** Sử dụng bộ dữ liệu mảng cân bằng từ các điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2014 và 2016, nghiên cứu này đã đánh giá tác động của việc làm phi nông nghiệp tới tăng trưởng thu nhập hộ. Nghiên cứu cũng cung cấp bằng chứng mới rằng việc có tham gia và mức độ tham gia vào các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp (việc làm công ăn lương hay phi nông nghiệp tự làm) đều có tác động dương tới tăng trưởng thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Hàm ý chính sách rút ra từ nghiên cứu là trong bối cảnh đất nông nghiệp ngày càng hạn hẹp và dân số tăng nhanh thì gia tăng cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho nông hộ cần coi là giải pháp chính cho nâng cao mức sống dân cư nông thôn ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Mô hình tác động cố định; Thu nhập hộ; Việc làm phi nông nghiệp; Nông thôn

**Trung tâm Thông tin Thư viện**